**MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(*Số liệu tính đến ngày: 31/5/2020*)

(Kèm theo công văn số 745 /LĐLĐ-VP ngày 25/5/2020)

| **TT** | **Nội dung** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Tình hình lao động** | | | | | |
|  | Tổng số lao động | | người |  |  |
|  | ***1. Tiền lương của người lao động*** | | | | |
|  | Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động | | DN |  |  |
|  | Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động | | triệu đồng |  |  |
|  | ***2. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp*** | | | | |
|  | Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN | | DN |  |  |
|  | Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN | | triệu đồng |  |  |
|  | ***3. Tranh chấp lao động tập thể, đình công*** | | | | |
|  | Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xẩy ra | | vụ |  |  |
|  | - Chia theo loại hình doanh nghiệp: | |  |  |  |
|  | + Doanh nghiệp nhà nước | | vụ |  |  |
|  | + Doanh nghiệp ngoài nhà nước | | “ |  |  |
|  | + Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | | “ |  |  |
|  | ***4. Công tác an toàn, vệ sinh lao động*** | |  |  |  |
|  | Tổng số vụ tai nạn lao động | | vụ |  |  |
|  | Số vụ tai nạn chết người | | “ |  |  |
|  | Số người chết | | người |  |  |
|  | Số người mắc bệnh nghề nghiệp | | “ |  |  |
| **II. Đại diện, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, người lao động** | | | | | |
|  | ***1. Thoả ước lao động tập thể*** | |  |  |  |
|  | Tổng số doanh nghiệp có tổ chức công đoàn | | DN |  |  |
|  | Số DN có tổ chức CĐ ký thoả ước lao động tập thể | | “ |  |  |
|  | Số DN có tổ chức CĐ ký mới thỏa ước lao động tập thể trong năm 2020 | |  |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | ***2. Thực hiện quy chế dân chủ*** | |  |  |  |
|  | Số cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức | | đơn vị |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số DN nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động | | DN |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số DN Nhà nước có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | ***3. Thực hiện giám sát theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013*** | |  |  |  |
|  | Thực hiện giám sát theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị trong năm 2020 | | Cuộc |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | ***4. Công tác tư vấn pháp luật, đại diện bảo vệ tại tòa án*** | | | | |
|  | Số người được tư vấn pháp luật | | lượt người |  |  |
|  | Số người được bảo vệ tại tòa án | | người |  |  |
|  | ***5. Chăm lo lợi ích đoàn viên*** | | | | |
|  | Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi | | lượt người |  |  |
|  | Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi | | Triệu đồng |  |  |
|  | Số thỏa thuận hợp tác được ký mới trong năm 2020 ở cấp tỉnh, ngành | | Bản |  |  |
|  | Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi đoàn viên” | | lượt người |  |  |
|  | CĐCS doanh nghiệp thương lượng với người sử dụng lao động điều chỉnh bữa ăn giữa ca lên bằng hoặc cao hơn 15.000 đồng | | Đơn vị |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm Công đoàn” trong năm 2020 | | Nhà |  |  |
| Số tiền hỗ trợ | | Triệu đồng |  |  |
| **III. Công tác thi đua, khen thưởng** | | | | | |
|  | **1. Sáng kiến** | |  |  |  |
|  | Số sáng kiến được công nhận | | sáng kiến |  |  |
|  | Giá trị làm lợi | | triệu đồng |  |  |
|  | Tiền thưởng sáng kiến | | “ |  |  |
|  | ***2. Công trình sản phẩm thi đua*** | |  |  |  |
|  | Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận | | CT, SP |  |  |
|  | Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận | | triệu đồng |  |  |
| **IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục** | | | | | |
|  | Số CĐCS có tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật… | | CĐCS |  |  |
|  | Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ | | CĐCS |  |  |
|  | Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp | | người |  |  |
|  | Số CĐCS trong doanh nghiệp triển khai hoạt động hưởng ứng Tháng Công nhân năm 2020 | | CĐCS |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
| **V. Công tác nữ công** | | | | | |
|  | Số công đoàn cơ sở khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó: | | CĐCS |  |  |
|  | *Số ban nữ công quần chúng tính đến ngày 31/5/2020* | | BNC |  |  |
|  | *- Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong năm 2020* | | “ |  |  |
|  | Số công đoàn cơ sở khu vực ngoài NN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó: | | CĐCS |  |  |
|  | *Số ban nữ công quần chúng tính đến ngày 31/5/2020* | | BNC |  |  |
|  | *- Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong năm 2020* | | BNC |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó | | người |  |  |
|  | + khu vực HCSN và DNNN | | “ |  |  |
|  | + khu vực ngoài Nhà nước | | “ |  |  |
| **VI. Công tác kiểm tra, tài chính** | | | | | |
|  | Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở | | đơn vị |  |  |
|  | Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số doanh nghiệp thực hiện việc nộp kinh phí công đoàn qua tài khoản CĐVN trong năm 2020 | | DN |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
| **VII. Công tác tổ chức** | | | | | |
|  | ***1. CĐ cơ sở, Đoàn viên công đoàn*** | |  |  |  |
|  | Tổng số công đoàn cơ sở | |  |  |  |
|  | Số CĐCS thành lập mới trong năm 2020 | |  |  |  |
|  | Số CĐCS tại doanh nghiệp có 25 công nhân lao động trở lên thành lập mới trong năm 2020 | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Tổng số đoàn viên công đoàn | | Đoàn viên |  |  |
|  | Tổng số đoàn viên kết nạp mới | | “ |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Tổng số đoàn viên giảm | | “ |  |  |
|  | Số đoàn viên được nhập thông tin lên phần mềm quản lý đoàn viên trong năm 2020 | |  |  |  |
|  | ***2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng*** | | | | |
|  | Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn | | người |  |  |
|  | Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn | | “ |  |  |
|  | ***4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bổi dưỡng xem xét, kết nạp*** | |  |  |  |
|  | Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng | | người |  | Chỉ tiêu giao năm 2020 |
|  | Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng | | “ |  |  |
|  | *(Số liệu tính đến hết ngày 31/5/2020)* | | | |
|  |  | | | |